TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2025/HS-ST Ngày: 13-03-2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Xuyến;

2. Ông Nguyễn Thế Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2025/TLST- HS ngày 20 tháng 02 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Hồng T, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 8/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn H, sinh năm 1954 và con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; có vợ Lê Thị H1, sinh năm 1982; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; *"có mặt"*.

Bị hại: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1961 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại Vũ Thị T1:

1. Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1944 (là chồng bị hại). *"vắng mặt"*.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2003 (là con bị hại). *"vắng mặt"*.

3. Chị Nguyễn Thị Tố U, sinh năm 2006 (là con bị hại). *"vắng mặt".*

Đều trú tại: Xóm B N, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn O, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Tố U là: Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm B N, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. *"có mặt".*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 50 phút, ngày 10/12/2024, Lê Hồng T, sinh năm 1976, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình điều khiển xe ô tô tải biển số 17C-076.64 trên Quốc lộ B theo hướng T đi thành phố N, khi đi đến Km160+900, thuộc địa phận thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, thì bị hạn chế tầm nhìn do đèn pha của các xe đi ngược chiều chiếu vào, T không giảm tốc độ mà tiếp tục điều khiển xe và thấy xe đạp do bà Vũ Thị T1, sinh năm 1961, trú tại xóm B N, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định điều khiển đi phía trước cùng chiều chuyển hướng từ bên trái sang bên phải theo hướng di chuyển của xe ô tô. Lúc này T đánh lái sang bên trái để tránh va chạm, tuy nhiên do khoảng cách gần nên phần đầu bên phải xe ô tô do T điều khiển va chạm với phần đuôi bên phải xe đạp do bà Vũ Thị T1 điều khiển. Hậu quả: bà Vũ Thị T1 bị ngã, bị chấn thương vùng đầu được đưa đi cấp cứu và chết vào lúc 21 giờ cùng ngày tại Bệnh viện đa khoa tỉnh N. Xe ô tô và xe đạp bị hư hỏng nhẹ.

Cơ quan điều tra thu giữ vật chứng, đồ vật gồm: 01 xe ô tô tải biển số 17C-076.64 và đăng ký cùng toàn bộ giấy tờ xe; 01 xe đạp kiểu dáng nữ, màu sơn xe đã bị bong tróc để lộ màu nâu của kim loại; 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Lê Hồng T, có giá trị đến ngày 26/04/2027;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện tham gia giao thông liên quan đến vụ tai nạn là xe ô tô biển số 17C-076.46 và chiếc xe đạp.

Kiểm tra nồng độ cồn, chất ma tuý đối với Lê Hồng T, xác định: Thoan không có nồng độ cồn trong khí thở và âm tính với các chất ma túy.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 1965/KLGĐTT-KTHS ngày 23/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh N, kết luận: nạn nhân Vũ Thị T1 chết do chấn thương vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ.

Tại Bản kết luận giám định độc chất số 194/KLGĐĐC-TTPY ngày 23/12/2024 của Trung tâm pháp y Sở Y đối với bà Vũ Thị T1, xác định: không có nồng độ cồn trong máu và âm tính với các chất ma túy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành thu giữ 01 đoạn video được sao trích từ camera giám sát của Công ty TNHH Y1, ở thôn T, xã N, huyện N, ghi lại nội dung vụ tai nạn giao thông. Tại Bản kết luận giám định kỹ thuật hình sự số 99/KL-KTHS ngày 27/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh N, kết luận: Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép trong toàn bộ nội dung video gửi giám định. Tốc độ của xe ô tô biển số 17C-076.64 ngay trước khi xảy ra va chạm là 50,4km/h (+ - 2,1km/h).

Bản kết luận định giá tài sản số 51/KLĐG ngày 31/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: Giá trị thiệt hại của xe ô tô biển số 17C-076.64, nhãn hiệu thaco, màu sơn xanh, tại thời điểm xảy ra sự việc có giá trị trên thị trường là 300.000 đồng. Giá trị thiệt hại của xe đạp, kiểu dáng nữ tại thời điểm xảy ra sự việc có giá trị trên thị trường là 200.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo Lê Hồng T đã tự nguyện bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Nguyễn Văn C1 số tiền 150.000.000đồng, anh C1 đã nhận đủ số tiền 150.000.000đồng không có yêu cầu bồi thường nào khác và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Lê Hồng T.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Lê Hồng T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực truy tố bị cáo Lê Hồng T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Hồng T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên.

Ông Nguyễn Văn C1 trình bày: sự việc xảy ra là điều không mong muốn, bị cáo đã khắc phục bồi thường đầy đủ cho đại diện gia đình bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực thực hành quyền công tố tại phiên toà: giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Hồng T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Hồng T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho

hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự các bên đã tự nguyện thống nhất giải quyết xong với nhau về dân sự nên về trách nhiệm dân sự không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Lê Hồng T, xác định là giấy tờ có giá trị nên cần trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, buộc bị cáo Lê Hồng T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Phần tranh luận tại phiên tòa: Kiểm sát viên, bị cáo và ông C1 không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên toà, bị cáo khai nhận về hành vi đã thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố và thừa nhận đã phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; Phù hợp với các chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản khám nghiệm tử thi; bản giám định pháp y; lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại và các tài liệu khác đã được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 50 ngày 10/12/2024, Lê Hồng T có giấy phép lái xe hạng C theo quy định, điều khiển xe ô tô tải biển số 17C-076.64 trên Quốc lộ B theo

hướng huyện T đi thành phố N. Khi đi đến Km160+900, thuộc địa phận thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, thì bị hạn chế tầm nhìn do đèn pha của các xe đi ngược chiều chiếu vào. T đã không giảm tốc độ, không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy phía trước cùng chiều đang chuyển hướng dẫn đến va chạm với xe đạp do bà Vũ Thị T1, sinh năm 1961, trú tại xóm B N, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định điều khiển, hậu quả làm bà Vũ Thị T1 chết do chấn thương vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ. Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Hồng T đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo có giấy phép lái xe theo quy định, là người đủ khả năng nhận thức được rằng, khi điều khiển phương tiện giao thông, nếu không tuân thủ đúng quy định của pháp luật về giao thông đường bộ thì sẽ dễ gây ra tai nạn dẫn đến hậu quả và hệ lụy khôn lường. Quá trình điều khiển xe ô tô do bị không giảm tốc độ, không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy phía trước cùng chiều đang chuyển hướng nên đã xô vào xe đạp do bị hại đang điều khiển, hậu quả làm bị hại ngã và bị chết là vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 31 ngày 29/8/2019 của Bộ G.

Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến sự an toàn của các phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà còn xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được Nhà nước và pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự an toàn giao thông đường bộ. Xét thấy cần phải xử lý nghiêm nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại, cùng lo tổ chức mai táng cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đại diện hợp pháp của bị hại tại phiên tòa đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và trong vụ án xác định lỗi là lỗi vô ý nên xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù nhưng cho

hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đảm bảo mục đích của hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho đại diện gia đình bị hại tổng số tiền 150.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận số tiền trên, không có yêu cầu đề nghị gì thêm về phần dân sự nên về trách nhiệm dân sự Hội đồng xem xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với: 01 xe ô tô biển số 17C-076.64 và đăng ký cùng giấy tờ xe ô tô xác minh là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn T2, sinh năm 1978, trú tại thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình là chủ sở hữu; 01 chiếc xe đạp kiểu dáng nữ là tài sản hợp pháp của bị hại. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 01 chiếc xe đạp cho anh Nguyễn Văn C1 (là con của bị hại Vũ Thị T1 và trả lại 01 xe ô tô biển số 17C-076.64 và đăng ký cùng giấy tờ xe ô tô cho anh Phạm Văn T2 là phù hợp;

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Lê Hồng T, qua xác minh là giấy tờ có giá trị của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1.1. Tuyên bố bị cáo Lê Hồng T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ";

1.2. Xử phạt bị cáo Lê Hồng T 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Hồng T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

1.3. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" của Công an huyện N, tỉnh Nam Định đối với bị cáo Lê Hồng T.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Lê Hồng T. Giấy phép lái xe nêu trên đang được lưu trong hồ sơ vụ án, bị cáo liên hệ với Văn phòng Tòa án để nhận lại.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Lê Hồng T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- UBND xã Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế B **Phạm Thị X**